

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 22/2009/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 03 tháng 4 năm 2009

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 2573

Ngày 19 tháng 4 năm 2009

Kính chuyển

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 06/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Tờ trình số 45/TTr.SNN-LN ngày 22/4/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Văn phòng CP (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KT văn bản);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (vụ PC);
- Bộ Văn hoá, Thể thao và DL ;
- TTr TU, HĐND tỉnh (để b/c);
- Các thành viên UBND Tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ và các Đoàn thể;
- Đài, Báo BR-VT (để đưa tin);
- Sở Tư pháp (để theo dõi);
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, V1.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *shh*
CHỦ TỊCH

shh
Trần Minh Sanh

QUY ĐỊNH

**Về trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái
tại các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2009/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển loại hình du lịch sinh thái phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành đã được phê duyệt nhằm khai thác và phát huy tốt nhất các tiềm năng, lợi thế của Tỉnh, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

2- Quy định cụ thể đầu mối, thẩm quyền, trách nhiệm, trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết công việc của các cơ quan chức năng quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động đầu tư phát triển du lịch sinh thái trong các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn Tỉnh với thủ tục đơn giản, nhanh gọn, hiệu quả.

3- Giám đốc các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm hoàn thành việc rà soát lại quy chế hoạt động, quy định về tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị liên quan đến lĩnh vực đầu tư phát triển du lịch sinh thái đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt trước đây và xem xét trình Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với nội dung Quy định này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

4. Giám đốc các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm niêm yết công khai Quy định này và các quy định liên quan

đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi (nếu có) cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân biết để thực hiện.

5. Bản Quy định này điều chỉnh trong lĩnh vực triển khai các dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái của các doanh nghiệp tại các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

1. Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài thực hiện dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái trong các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Các doanh nghiệp hoạt động đầu tư phát triển du lịch sinh thái trong các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Trình tự thủ tục hành chính triển khai dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái

Trình tự thủ tục hành chính có liên quan đến triển khai dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái trong các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gồm:

- 1- Xin chủ trương đầu tư;
- 2- Thỏa thuận địa điểm;
- 3- Đăng ký đầu tư;
- 4- Thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500;
- 5- Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- 6- Xác định đặc điểm khu rừng; lập bản cam kết bảo vệ và phát triển rừng;
- 7- Thẩm định và phê duyệt dự án;
- 8- Cho thuê rừng, thuê môi trường rừng;
- 9- Cho thuê đất xây dựng công trình;
- 10- Thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy;

11- Cấp giấy phép xây dựng.

Điều 4. Cung cấp thông tin về đầu tư

1- Khi đến tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để tìm hiểu cơ hội đầu tư, nếu nhà đầu tư có yêu cầu cung cấp các thông tin, quy định có liên quan đến công việc đầu tư phát triển du lịch sinh thái, Sở Kế hoạch - Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan hữu quan của tỉnh để trả lời nhà đầu tư.

2- Tùy theo yêu cầu của nhà đầu tư, việc cung cấp các thông tin, quy định về đầu tư phát triển du lịch sinh thái có thể thông qua hình thức tiếp xúc, trả lời trực tiếp; hoặc trả lời bằng văn bản. Trường hợp nhà đầu tư yêu cầu cung cấp các thông tin, quy định về đầu tư phát triển du lịch sinh thái bằng văn bản, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trả lời nhà đầu tư trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của nhà đầu tư.

Điều 5. Chuẩn bị hồ sơ hành chính và hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính

1- Nhà đầu tư có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ hành chính về triển khai dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật.

2- Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch – Đầu tư làm đầu mối giải quyết các thủ tục hành chính theo mô hình một cửa đối với các thủ tục (1), (2), (3), (7) quy định tại Điều 3 của quy định này. Thủ tục (6), (8) thực hiện xác định đặc điểm khu rừng, lập bản cam kết bảo vệ và phát triển rừng, thuê môi trường rừng và thuê rừng tại Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, đồng thời Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn làm đầu mối chuyên Công an Tỉnh giải quyết Thủ tục số 10; thủ tục (4), (11) thực hiện đầu mối giải quyết các thủ tục hành chính một cửa tại Sở Xây dựng; thủ tục (5), (9), thực hiện giải quyết thủ tục hành chính một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

3- Trách nhiệm làm đầu mối giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư phát triển du lịch sinh thái của các Sở gồm:

a. Tiếp nhận các hồ sơ hành chính từ các nhà đầu tư, sau đó chuyển cho các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan giải quyết theo quy định;

b. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi tiến độ thực hiện công việc của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đảm bảo đúng thời gian quy định;

c. Nhận lại hồ sơ hành chính từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và giao kết quả giải quyết cho nhà đầu tư theo giấy hẹn;

4- Các Sở khi tiếp nhận hồ sơ của nhà đầu tư phải viết phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả giải quyết theo thời gian quy định.

5- Trong quá trình thực hiện trách nhiệm giải quyết hồ sơ gặp khó khăn, vướng mắc hoặc chậm trễ về thời gian, các Sở liên quan có trách nhiệm báo cáo trực tiếp Chủ tịch UBND Tỉnh để kịp thời chỉ đạo giải quyết.

Chương II

CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI

Điều 6. Trình tự, thủ tục hồ sơ để xin chủ trương đầu tư phát triển du lịch sinh thái

1- Nhà đầu tư phải thực hiện các thủ tục về xin chủ trương đầu tư phát triển du lịch sinh thái đối với các dự án đầu tư tại những khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

2- Hồ sơ đề nghị xin chủ trương đầu tư gồm:

a. Văn bản đề nghị của chủ đầu tư;

b. Tóm tắt ý tưởng đầu tư;

c. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp trong nước; văn bản xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư nước ngoài; Bản sao giấy chứng minh nhân dân đối với nhà đầu tư là cá nhân trong nước; bản sao hộ chiếu (đang còn thời hạn hiệu lực) đối với nhà đầu tư là cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

3- Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị xin chủ trương tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư.

4- Thời gian để hoàn thành việc xin chủ trương cho nhà đầu tư là 15 (mười lăm) ngày làm việc, trong đó:

- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của các ngành, thẩm tra hồ sơ và có văn bản trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét là 10 (mười) ngày làm việc;

- Thời gian Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh thẩm định hồ sơ xin chủ trương, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt không quá 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ do Sở Kế hoạch và Đầu tư trình.

5- Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt việc xin chủ trương, Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư biết để cử cán bộ đến nhận kết quả và thực hiện trả kết quả cho nhà đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 7. Trình tự, thủ tục hồ sơ xin thỏa thuận địa điểm đầu tư phát triển du lịch sinh thái

1. Ủy ban nhân dân Tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất văn bản thỏa thuận địa điểm đầu tư đối với toàn bộ các dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái trong các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn Tỉnh.

Trường hợp không thể thỏa thuận địa điểm cho dự án sau khi lấy ý kiến của các ngành liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

2. Chủ đầu tư cùng với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chủ các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất tiến hành khảo sát thực tế, thỏa thuận địa điểm xin đầu tư, hồ sơ gồm có:

a. Biên bản ghi nhớ về thỏa thuận địa điểm đầu tư,

b. Bản vẽ sơ đồ vị trí;

c. Văn bản xin thỏa thuận địa điểm của chủ đầu tư và văn bản phê duyệt thỏa thuận địa điểm của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1- Sau Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ý kiến bằng văn bản về thỏa thuận địa điểm đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân Tỉnh ra văn bản phê duyệt thỏa thuận địa điểm đầu tư phát triển du lịch sinh thái.

2- Thời gian trả lời nhà đầu tư về thỏa thuận địa điểm đầu tư không quá mười (10) ngày làm việc, trong đó:

- Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét và tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan không quá năm (5) ngày làm việc (các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn không quá ba (3) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản hỏi ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư);

- Thời gian thẩm tra hồ sơ của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh không quá năm (05) ngày làm việc.

d. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký văn bản về thỏa thuận địa điểm đầu tư phát triển du lịch sinh thái, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư biết để cử cán bộ đến nhận kết quả trả lời về thỏa thuận địa điểm đầu tư và thực hiện trả kết quả cho nhà đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 8. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư, nếu nhà đầu tư không hoàn thành khảo sát, nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc không lập dự án đầu tư mà không có lý do chính đáng và không được UBND Tỉnh chấp thuận thì các văn bản thỏa thuận địa điểm và chấp thuận chủ trương đầu tư đương nhiên hết hiệu lực thi hành và bị hủy bỏ. Mọi chi phí liên quan đến công việc đã thực hiện nhà đầu tư phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

Chương III

ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ, THẨM TRA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 9. Việc đăng ký đầu tư, thẩm tra dự án đầu tư và điều chỉnh dự án đầu tư phát triển Du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu áp dụng theo các quy định tại Điều 12, 13, 14, 15, và 16; Mục 3 của Quyết định số 23/2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Trường hợp Quyết định số 23/2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2007 nêu trên của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản mới thay thế thì việc đăng ký đầu tư, thẩm tra dự án đầu tư và điều chỉnh dự án đầu tư nêu trên áp dụng theo các quy định mới có liên quan.

Chương IV

CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Báo cáo đánh giá tác động môi trường

1- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:

a. Dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ.

b. Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được lập đồng thời với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án. Chủ dự án tự mình hoặc thuê tổ chức dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm về các số liệu, kết quả nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

c. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại mục 3 phần III Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

2- Trình tự nộp hồ sơ và nhận kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

a. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định và phê duyệt theo thẩm quyền.

b. Thời gian thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không quá 23 (hai mươi ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

c. Thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường không quá 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư trình.

d. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc sau khi phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư biết để cử cán bộ đến nhận kết quả và thực hiện trả kết quả cho nhà đầu tư tại Sở kế hoạch và Đầu tư.

Điều 11. Cam kết bảo vệ môi trường

1- Chủ dự án thuộc các đối tượng phải có bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 24 của Luật Bảo vệ môi trường và có trách nhiệm lập bản cam kết bảo vệ môi trường.

2- Cấu trúc và yêu cầu nội dung của bản cam kết bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3- Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.

a. Hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại mục 2.3 phần IV Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b. Chủ dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đến Sở Tài nguyên và Môi trường để chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án để đăng ký và cấp giấy xác nhận.

c. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn quản lý của 02 (hai) huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên, chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đến Sở Tài nguyên và Môi trường để gửi đến đăng ký tại Ủy ban nhân dân của mỗi huyện, thị xã, thành phố nơi có rừng.

1- Xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường:

a. Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để giải quyết theo thẩm quyền.

b. Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải hoàn thành việc cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường cho chủ dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 26 kèm theo thông tư số 08/2006/TT-BTNMT.

c. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thành việc cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường cho chủ dự án, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết để cử cán bộ đến nhận kết quả và thực hiện trả kết quả cho nhà đầu tư tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

d. Đối tượng phải có bản cam kết bảo vệ môi trường và chỉ được triển khai hoạt động phát triển du lịch sinh thái sau khi đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

e. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các chủ rừng chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

Chương V
XÁC ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM KHU RỪNG,
CAM KẾT BẢO VỆ RỪNG VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG;

Điều 12. Xác định đặc điểm khu rừng cho việc thực hiện đầu tư phát triển du lịch sinh thái.

1- Đặc điểm khu rừng cho thực hiện đầu tư phát triển du lịch sinh thái được thể hiện thông qua các yếu tố về: vị trí, ranh giới, loại rừng, trạng thái rừng và chất lượng rừng theo các quy định tại Mục V, Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/01/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

2- Cấu trúc và yêu cầu nội dung của bản xác định đặc điểm khu rừng được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 7 kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/01/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3- Lập bản xác định đặc điểm khu rừng.

a. Hồ sơ lập bản xác định đặc điểm khu rừng theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Mục V, Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/01/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b. Chủ dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị lập bản xác định đặc điểm khu rừng đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thời gian hai (2) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến và chuyển cho chủ rừng nơi có dự án để tiến hành lập và xác nhận.

c. Trong thời gian mười (10) ngày làm việc, chủ rừng phải hoàn thành việc xác nhận bản xác định đặc điểm khu rừng theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BNN, thông báo cho chủ dự án biết và cử người đến nhận kết quả để gửi đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 13. Cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng.

1- Chủ dự án phải có bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng theo các quy định tại Mục 2, Mục 3, Chương VI của Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng và có trách nhiệm lập bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng.

a. Chủ dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đăng ký bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án để đăng ký và cấp giấy xác nhận.

b. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn quản lý của 02 (hai) đơn vị cấp huyện thuộc Tỉnh trở lên, chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị đăng ký bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để gửi đến đăng ký tại Ủy ban nhân dân của mỗi huyện, thị xã, thành phố nơi có rừng mà dự án triển khai.

2- Xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng:

a. Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có rừng để giải quyết theo thẩm quyền.

b. Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có rừng phải hoàn thành việc cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ bảo vệ rừng và phát triển rừng cho chủ dự án.

c. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thành việc cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng cho chủ dự án, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có rừng thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết để cử cán bộ đến nhận kết quả và thực hiện trả kết quả cho nhà đầu tư tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d. Chủ dự án phải có bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng và chỉ được triển khai hoạt động phát triển du lịch sinh thái sau khi đăng ký bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng và có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng.

e. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các chủ rừng chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng. Trong thời gian mười (10) ngày kể từ ngày nhận được bản cam kết bảo vệ rừng, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải tổ chức thực hiện xong việc thanh, kiểm tra các nội dung tại bản cam kết.

Trường hợp chủ đầu tư không thực hiện đúng nội dung đã cam kết, UBND cấp huyện yêu cầu chủ đầu tư thực hiện lại trong thời hạn tối đa là 30 ngày. Sau thời hạn trên, UBND cấp huyện tổ chức phúc tra và có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để báo cáo, đề xuất UBND Tỉnh xử lý dự án không thực hiện đúng nội dung đã cam kết.

Chương VI
CHO THUÊ RỪNG; THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG,
THUÊ CẢNH QUAN RỪNG, THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG RỪNG
CHO THUÊ ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Mục 1
CHO THUÊ RỪNG; THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG,
THUÊ CẢNH QUAN RỪNG, THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG RỪNG

Điều 14. Căn cứ cho thuê rừng, thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan và thuê quyền sử dụng rừng để phát triển du lịch sinh thái

Việc cho thuê rừng, thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng căn cứ vào các quy định sau:

- 1- Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, quyết định.
- 2- Quỹ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất của Tỉnh quản lý.
- 3- Nhu cầu sử dụng rừng của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nông thôn phải thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực du lịch để được xem xét cho thuê rừng, thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng để phát triển du lịch sinh thái theo trình tự thủ tục tại Quy định này.

Điều 15. Trình tự, thủ tục nhà nước cho thuê rừng đối với rừng phòng hộ

- 1- Đối tượng được thuê:

Doanh nghiệp có chức năng hoạt động kinh doanh du lịch thuê rừng để phát triển du lịch sinh thái.

- 2- Trình tự, thủ tục cho thuê rừng:

- a. Bước 1: chuẩn bị

Việc chuẩn bị thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Mục III Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/01/2007 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.

Thời gian thực hiện bước 1 là năm (05) ngày làm việc.

b. Bước 2: nộp hồ sơ (phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BNN)

Doanh nghiệp có nhu cầu thuê rừng nộp đơn xin thuê rừng kèm theo hồ sơ quy định (tại điểm b khoản 3 Mục III Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/01/2007) tại Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

c. Bước 3: thẩm định và hoàn chỉnh hồ sơ

Sau khi nhận hồ sơ xin thuê rừng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương nơi có rừng việc tổ chức có nhu cầu được thuê rừng, địa điểm khu rừng xin được thuê và tiếp nhận những thông tin phản hồi của xã hội.

- Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Mục III, Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/01/2007.

- Lập, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh kế hoạch tổ chức đấu giá quyền sử dụng rừng (bằng tiền thuê rừng, nếu có từ 2 tổ chức trở lên cùng xin được thuê rừng trên 1 khu rừng).

- Tổ chức đấu giá.

Thời gian thực hiện bước 3 là ba mươi (30) ngày làm việc.

d. Bước 4: Xem xét, quyết định cho thuê rừng

- Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Mục III, Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/01/2007.

Sau khi nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân Tỉnh có trách nhiệm xem xét và ký quyết định cho thuê rừng cho tổ chức (phụ lục 4 kèm theo Thông tư 38/2007/TT-BNN)

Thời gian thực hiện bước 4 là năm (05) ngày làm việc.

e. Bước 5: Thực hiện quyết định cho thuê rừng

- Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 3 Mục III Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/01/2007.

Thời gian thực hiện bước 5 là ba (03) ngày làm việc

Điều 16. Trình tự, thủ tục nhà nước cho thuê rừng đối với rừng sản xuất

1. Trường hợp rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng:

a. Đối tượng được thuê:

Doanh nghiệp có chức năng hoạt động kinh doanh du lịch thuê rừng để phát triển du lịch sinh thái.

b. Trình tự, thủ tục cho thuê rừng

Trình tự, thủ tục thực hiện theo các quy định tại khoản 2, 3 Mục III Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/01/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Trường hợp rừng sản xuất là rừng trồng:

a. Đối tượng được thuê:

Doanh nghiệp có chức năng hoạt động kinh doanh du lịch thuê rừng để phát triển du lịch sinh thái.

b. Trình tự, thủ tục cho thuê rừng:

Trình tự, thủ tục thực hiện theo các quy định tại khoản 2, 3 Mục III Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/01/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 17. Trình tự, thủ tục nhà nước cho thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất

1. Đối tượng được thuê:

Doanh nghiệp có chức năng hoạt động kinh doanh du lịch thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất để phát triển du lịch sinh thái.

2. Trình tự, thủ tục nhà nước cho thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất để phát triển du lịch sinh thái.

a. Bước 1: chuẩn bị

Việc chuẩn bị thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Mục III, Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thời gian thực hiện bước 1 là năm (5) ngày làm việc.

b. Bước 2: nộp hồ sơ (quy định tại điểm 1,2,3,7,8,9 Phụ lục 1) kèm theo Thông tư 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thời gian thực hiện bước 2 là mười lăm (15) ngày làm việc.

c. Bước 3: thẩm định và hoàn chỉnh hồ sơ

Sau khi nhận được hồ sơ xin thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Chuyển cho chủ rừng để tiến hành lập hồ sơ xác định đặc điểm khu rừng và lập bản cam kết bảo vệ rừng và phát triển rừng;

- Chủ trì thẩm định hồ sơ cho thuê do chủ rừng lập và các điều kiện về cho thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng; tính khả thi của Dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái của chủ dự án;

- Thực hiện việc ký kết hợp đồng thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan, thuê quyền sử dụng rừng.

- Gửi hồ sơ có liên quan đến khu rừng tới cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính (nếu có);

Thời gian thực hiện bước 3 bao gồm cả thời gian thẩm định hồ sơ là ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của chủ dự án.

d. Bước 4: xem xét, quyết định cho thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng.

Sau khi nhận được hồ sơ cho thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng, Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện các công việc sau:

- Xem xét, ký quyết định cho thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân;
- Chuyển quyết định cho thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng cho chủ dự án và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thời gian thực hiện bước 4 là năm (05) ngày làm việc.

e. Bước 5: thực hiện quyết định cho thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi nhận được quyết định từ Ủy ban nhân dân Tỉnh, có trách nhiệm:

- Thông báo cho chủ dự án thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có);
- Chủ trì và phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện và chủ rừng thực hiện việc bàn giao hiện trạng khu rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được thuê.
- Sau khi nhận thực địa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đóng cọc mốc khu rừng nơi cho thuê môi trường, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã và chủ rừng.

Thời gian thực hiện bước 5 là ba (03) ngày làm việc (sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính của đối tượng được thuê - nếu có).

Mục 2

CHO THUÊ ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 18. Căn cứ cho thuê đất để phát triển du lịch sinh thái

Việc cho thuê đất căn cứ vào các quy định sau:

1- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, quyết định.

2- Quy định về việc xây dựng công trình hạ tầng, tỉ lệ diện tích đất được xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trong rừng đặc dụng,

rừng phòng hộ và rừng sản xuất tại Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 06/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

3- Nhu cầu sử dụng đất thể hiện trong dự án đầu tư, đơn xin thuê đất.

Điều 19. Trình tự, thủ tục nhà nước cho thuê đất để phát triển du lịch sinh thái.

1- Doanh nghiệp có nhu cầu xin thuê đất liên hệ với cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ thỏa thuận địa điểm hoặc tổ chức phát triển quỹ đất nơi có đất để được giới thiệu địa điểm sử dụng đất.

2- Sau khi có văn bản thỏa thuận địa điểm hoặc văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản đồng ý cho xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa điểm đã được xác định, người xin thuê đất nộp hai (02) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có đất, hồ sơ gồm có:

a. Đơn xin thuê đất;

b. Văn bản thỏa thuận địa điểm hoặc văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản đồng ý cho xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa điểm đã được xác định;

c. Quyết định dự án đầu tư hoặc bản sao giấy phép đầu tư có chứng nhận của công chứng nhà nước; trường hợp dự án đầu tư của tổ chức không sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc không phải dự án có vốn đầu tư nước ngoài thì phải có văn bản thẩm định về nhu cầu sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Nghị định này;

d. Văn bản xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có đất về việc chấp hành pháp luật về đất đai đối với các dự án đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trước đó.

3- Việc cho thuê đất được quy định như sau:

a. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra và chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất làm trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính khu đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính (đối với các dự án sử dụng đất để xây dựng các công trình trên phạm vi rộng như đê điều, thủy điện, đường điện, đường bộ, đường sắt, đường dẫn nước, đường dẫn dầu, đường dẫn khí thì dùng

bản đồ địa hình thành lập mới nhất có tỷ lệ không nhỏ hơn 1/25.000 để thay thế bản đồ địa chính), trích sao hồ sơ địa chính;

b. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm gửi số liệu địa chính cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính;

c. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ địa chính; xác minh thực địa, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp được thuê đất; chỉ đạo UBND cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tổ chức bàn giao đất trên thực địa.

d. Sở Tài chính có trách nhiệm xác định đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể đối với trường hợp tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất.

4- Thời gian thực hiện các công việc quy định tại khoản 3 Điều này không quá hai mươi (20) ngày làm việc (không kể thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính) kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường nhận đủ hồ sơ hợp lệ cho tới ngày người sử dụng nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chương VII

CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

Điều 20. Thiết kế và thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy

1- Đối với các dự án đầu tư thuộc danh mục quy định tại phụ lục 3 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ, phải có thiết kế về phòng cháy và chữa cháy do cơ quan có đủ năng lực thiết kế và phải được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy trước khi thi công.

2- Hồ sơ đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy lập thành 03 bộ. Nội dung hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định 35/2003/NĐ-CP của Chính phủ về thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy.

a. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Phòng cảnh sát phòng cháy-chữa cháy) để thẩm duyệt theo thẩm quyền.

b. Thời gian Phòng cảnh sát phòng cháy - chữa cháy thẩm duyệt không quá mười tám (18) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

c. Trong thời hạn một (01) ngày sau khi có kết quả thẩm duyệt phòng cháy - chữa cháy, Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Phòng cảnh sát phòng cháy - chữa cháy) thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết để cử cán bộ đến nhận thông báo kết quả và trả kết quả cho nhà đầu tư tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương VIII **CÁC QUY ĐỊNH KHÁC VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 21. Chuyển nhượng, điều chỉnh vốn hoặc dự án đầu tư

1- Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng, điều chỉnh vốn hoặc dự án đầu tư.

Trường hợp chuyển nhượng dự án có phát sinh các nghĩa vụ tài chính thì bên chuyển nhượng phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2- Bên nhận chuyển nhượng dự án đầu tư trở thành chủ đầu tư mới của dự án không làm lại các thủ tục đầu tư mà chủ đầu tư trước đã thực hiện. Chủ đầu tư mới phải ký lại hợp đồng thuê rừng, thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng (trường hợp dự án thuê rừng, thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng) hoặc làm thủ tục chuyển quyền sử dụng rừng theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

3- Chủ đầu tư mới phải chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ công việc đầu tư của chủ đầu tư trước và tiếp tục được hưởng ưu đãi (nếu có) và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong thời gian còn lại của dự án.

Điều 22. Tạm ngừng dự án, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, thu hồi rừng

1- Nhà đầu tư khi tạm ngừng dự án đầu tư phải thông báo bằng văn bản với Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo, tham mưu văn bản của UBND Tỉnh trả lời nhà đầu tư để làm cơ sở cho việc xem xét miễn, giảm tiền thuê rừng, thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng trong thời gian tạm ngừng dự án.

2- Dự án đầu tư được cấp giấy chứng nhận đầu tư sau 12 tháng mà nhà đầu tư không triển khai (không có lý do chính đáng và không được sự chấp thuận của

UBND Tỉnh) hoặc không thực hiện theo tiến độ đã cam kết và thì bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, các giấy tờ liên quan đến việc triển khai dự án đầu tư.

3- Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chủ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, nơi có dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái phải chịu trách nhiệm theo dõi tình hình triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, rà soát và báo cáo những dự án không triển khai đúng tiến độ đã cam kết gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo, đề xuất UBND Tỉnh thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, các văn bản do UBND Tỉnh cấp cho chủ đầu tư trong việc triển khai dự án này.

4- Trường hợp dự án bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư và các văn bản liên quan đến việc triển khai dự án đầu tư, nếu chủ đầu tư đã được cho thuê rừng thì cũng bị thu hồi rừng theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 23. Thực hiện Quy định về trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Trường hợp những quy định về trình tự, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến hoạt động đầu tư phát triển du lịch sinh thái của các cơ quan, đơn vị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phê duyệt trước đây khác hoặc trái với nội dung tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định tại Quy định này.

Điều 24. Trách nhiệm của các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã:

1- Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc thực hiện Bản Quy định này; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh tình hình thực hiện và những vấn đề phát sinh cần xử lý, sửa đổi, bổ sung.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan khác xây dựng quy chế phối hợp, lưu chuyển hồ sơ hành chính giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các đơn vị liên quan trong việc giải quyết các thủ tục hành chính: Đăng ký đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 hoặc 1/500; cấp giấy phép xây dựng.

2- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường, Phòng Cảnh sát phòng cháy-chữa cháy Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, các chủ rừng xây dựng quy chế phối hợp, lưu chuyển hồ sơ

chính giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với các đơn vị liên quan trong việc giải quyết các thủ tục hành chính; Đề xuất thống nhất địa điểm và chấp thuận chủ trương đầu tư; xác định đặc điểm khu rừng về cho thuê rừng, thuê môi trường rừng, thuê cảnh quan rừng, thuê quyền sử dụng rừng; thu hồi rừng, bồi thường thiệt hại, thẩm duyệt phòng cháy - chữa cháy, xác định nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư; rà soát quy hoạch xác định rừng cho thuê đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào đầu tư phát triển du lịch sinh thái và báo cáo UBND Tỉnh trong năm 2009.

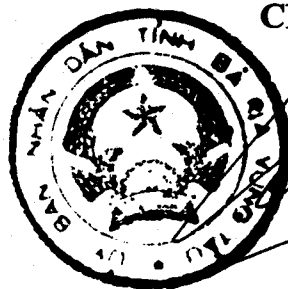
2- Sở Nội vụ có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các cơ quan liên quan thực hiện việc rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động, quy trình cải cách thủ tục hành chính của từng cơ quan, đơn vị đảm bảo phù hợp với nội dung quy định này; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước quy định tại bản Quy định này.

3- Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

4- Các Sở ngành có trách nhiệm công bố quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành đã được phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến công việc đầu tư như: Tài nguyên, nguồn nước, điện, giao thông vận tải, môi trường sinh thái, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ di tích văn hóa, lịch sử, an ninh, quốc phòng... để các nhà đầu tư biết và căn cứ thực hiện.

Điều 25. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Bà Rịa, thành phố Vũng Tàu, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Bản Quy định này; đồng thời tổ chức phổ biến trong cơ quan, địa phương và các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư để căn cứ thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Minh Sanh